Ngày soạn: 28/11/2024

Ngày giảng: 3/12/2024

**Tiết 20,21.** **Bài 13. CÁC DẠNG ĐỊA HÌNH CHÍNH TRÊN TRÁI ĐẤT.**

**KHOÁNG SẢN**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**:

- Phân biệt được các dạng địa hình chinh trên Trái Đất.

- Kể được tên một số loại khoáng sản.

- Hiểu được ảnh hưởng của các dạng địa hình đến đời sống con người

- Phân biệt được các loại khoáng sản dựa vào tính chất và công dụng.

- Có ý thức bảo vệ và sử dụng tiết kiệm nguồn tài nguyên khoáng sản

\* THMT: Ý thức được sự cần thiết phải bảo vệ các cảnh đẹp tự nhiên trên TĐ

\* THƯPBĐKH: Thay thế việc sử dụng nhiên liệu hoá thạch...

\* GDSDNLTKHQ: Biết vai trò của khoáng sản, biết cách sử dụng tiết kiệm, hiệu quả TNKS

**2. Năng lực**

**\* Năng lực chung:** Tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề sáng tạo.

**\* Năng lực Địa Lí**

- Năng lực tìm hiểu địa lí:

- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Biết liên hệ thực tế để giải thích các hiện tượng, các vấn đề liên quan đến bài học; Liên hệ với Việt Nam nếu có

- Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Phân tích mối liên hệ giữa các yếu tố tự nhiên

**3. Phẩm chất**

-Trách nhiệm: Tuyên truyền BV nguồn TN khoáng sản

- Chăm chỉ: tích cực, chủ động trong các hoạt động học

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Tranh ảnh về các dạng ĐH trên TĐ, USB học liệu điện tử

- Bản đồ TN Việt Nam, bản đồ TNTG

**2. Chuẩn bị của học sinh:** sách giáo khoa, vở ghi..

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**\* Ổn định tổ chức**

**\* Kiểm tra bài cũ:** CH: Trình bày hiểu biết về hiện tượng động đất.

**\* Các HĐ dạy học**

**Tiết 20**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động 1: Mở đầu**  **a. Mục tiêu:** Giáo viên đưa ra tình huống để học sinh giải quyết, trên cơ sở đó để hình thành kiến thức vào bài học mới.  **b. Tổ chức hoạt động**   |  |  | | --- | --- | | **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung chính** | | GV đưa vấn đề: Tác động của quá trình nội sinh và quá trình ngoại sinh không giống nhau ở mọi nơi trên Trái Đất đ ã tạo nên sự đa dạng về địa hình và khoáng sản.  Trên bề mặt Trái Đất có các dạng địa hình chính và các loại khoáng sản |  | | nào? Dựa vào đàu để phàn biệt chúng?  HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ  HS thực hiện nhiệm vụ học tập. GV gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ  HS báo cáo kết quả và chia s ẻ  GV: Lắng nghe  GV: Nhận xét và dẫn vào bài mới  HS: Lắng nghe, vào bài mới |  | |
| **Hoạt động: Hình thành kiến thức mới** |
| **Hoạt động 1: Các dạng địa hình chính**  **a. Mục tiêu:**  Phân biệt được các dạng địa hình chinh trên Trái Đất.  Hiểu được ảnh hưởng của các dạng địa hình đến đời sống con người  **b. Tổ chức hoạt động**   |  |  | | --- | --- | | **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung chính** | | **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  GV: HS quan sát hình ảnh và kiến thức SGK, thảo luận nhóm để hoàn thành bảng sau:  Nhóm 1,2, 3,4: Hoàn thành bảng sự khác nhau giữa núi và đồi. Kể tên 1 số dãy núi lớn trên TG.   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | **Núi** | **Đồi** | | Độ cao |  |  | | Hình thái |  |  | | Ví dụ |  |  |   Nhóm 5,6,7,8: Hoàn thành bảng về cao nguyên và đồng bằng. Kể tên 1 số cao nguyên và đồng bằng lớn trên TG.   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | **Cao nguyên** | **Đồng bằng** | | Độ cao |  |  | | Hình thái |  |  | | Ví dụ |  |  |   HS: Tiếp cận nhiệm vụ và lắng nghe | **1. Các dạng địa hình chính**  (Bảng chuẩn kiến thức) | | Báo cáo kq trên bảng phụ kết hợp báo cáo trên bản đồ  HS thực hiện nhiệm vụ học tập. GV gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ  HS báo cáo kết quả và chia sẻ  GV: Lắng nghe  GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng  HS: Lắng nghe, ghi bài | |
| **Bảng chuẩn kiến thức**   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | **Núi** | **Đồi** | | Độ cao | Trên 500m so với mực nước biển | Không quá 200m so với vùng đất xung quanh | | Hình thái | Đỉnh nhọn, sườn dốc | Đỉnh tròn, sườn thoải | | Ví dụ | Hi-ma-lay-a, An-đét, An-pơ, Rốc-ki, U-ran, At-lát | Vùng đồi trung du nước ta ở Phú Thọ, Bắc Giang, Thái Nguyên |  |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | **Cao nguyên** | **Đồng bằng** | | Độ cao | Trên 500m so với mực nước biển | Dưới 200m so với mực nước biển | | Hình thái | Khá bằng phẳng, có sườn dốc, dựng đứng thành vách | Tương đối bằng phẳng, rộng | | Ví dụ | Pa-ta-g ô-ni, Mông Cổ, Tây Tạng | Ấn Hằng, Hoa Bắc, Bắc Âu, A-ma- đôn | |
| GV hỏi HS: các dạng địa hình trên có ảnh hưởng đến đời sống con ngườitrên TĐ như thế nào? (HS dựa vào hiểu biết của bản thân để trả lời)  **\* THMT:**  CH: Nếu được đi tham quan du lịch tại các cảnh quan TN ở các dạng địa hình trên, em cần làm gì để BVMT?  (HSTL được: Có ý thức giữ gìn vệ sinh môi trương tại nơi đến tham quan, không xả rác bừa bãi, tuyên truyền nâng cao ý thức BVMT,…)  **IV. Củng cố và hướng dẫn về nhà.**  **\* Củng cố:** GV sử dụng BĐTN thế giới HD HS nhận biết các dạng địa hình (núi, cao nguyên, đồng bằng trên bản đồ)  \* **Hướng dẫn về nhà:**  **-** Học bài cũ theo nội dung bài  - Chuẩn bị trước mục 2. Khoáng sản và phần luyện tập  **Tiết 21**  **\* Ổn định tổ chức**  **\* Kiểm tra bài cũ:** CH: Trình bày hiểu biết về địa hình núi, đồi (độ cao, hình thái)  **\* Các HĐ dạy học**  **HĐ khởi động:** Nêu hiểu biết của em vê khoáng sản?  **Hoạt động 2: Khoáng sản**  **a. Mục tiêu:** HS biết được tên các loại khoáng sản và công dụng của chúng  **b. Tổ chức hoạt động**   |  |  | | --- | --- | | **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung chính** | | GV : HS đọc thông tin SGK, thảo luận cặp đôi để hoàn thành các nội dung sau.  1. Em hãy cho biết trong các đối tượng sau, đối tượng nào là khoáng sản: nhựa, than đá, gỗ, cát, xi măng, thép, đá vôi.  2. Hãy kể tên ít nhất một vật dụng hăng ngày em thường sử dụng được làm từ khoáng sản.  3. Sắp xếp các loại khoáng sản sau vào ba nhóm sao cho đúng: vàng, nước khoáng, kim cương, than bùn, khí thiên nhiên, cao lanh, ni-ken, phốt phát, bô-xít  HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ  HS thực hiện nhiệm vụ học tập. GV gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ  HS báo cáo kết quả và chia sẻ  GV: Lắng nghe  GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng  HS: Lắng nghe, ghi bài  **\* THƯPBĐKH:**  CH: Việc sử dụng KS nhiên liệu hóa thạch như than đã gây ÔNMT, vậy cần làm gì để hạn chế BĐKH?  (HS: Thay thế việc sử dụng nhiên liệu hoá thạch bằng các nguồn NL khác như NL mặt Trời, …)  **\* GDSDNLTKHQ:**  Khoáng sản phải trải qua quá trình hình thành rất lâu dài, vậy chúng ta cần sử dụng TN khoáng sản này như thế nào?  (HS: Phải sử dụng tiết kiệm, hiệu quả TNKS…...) | **2. Khoáng sản**  - Khoáng sản là những khoáng vật và khoáng chất có ích trong tự nhiên trong vỏ Trái Đất mà con người có thể khai thác để sử dụng trong sản xuất và đời sống. VD: than đá, cát, đá vôi  - Khoáng sản gồm 3 loại:  + Năng lượng: than bùn, khí thiên nhiên  + KS kim loại: Ni-ken, bô xit, vàng  + KS phi kim: Nước khoáng, kim cương, cao lanh, phốt phát  - Mỏ khoáng sản là nơi tập trung khoáng sản có trữ lượng và chất lượng có thể khai thác đề sử dụng vào mục đích kinh tế. | |
| **Hoạt động 3. Luyện tập và vận dụng**  **a. Mục tiêu:** Giúp học sinh khắc sâu kiến thức về 4 dạng địa hình, về tài nguyên khoáng sản. HS biết được giải thích được những vấn đề có liên quan đến bài học hôm nay  **b. Tổ chức hoạt động**   |  |  | | --- | --- | | **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung chính** | | GV yêu cầu HS HĐCN thực hiện BT1,2 tài liệuT138 trong 6’  HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ  HS thực hiện nhiệm vụ học tập. GV gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ  HS báo cáo kết quả và chia sẻ  GV: Lắng nghe  GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng  HS: Lắng nghe, ghi bài  GV: NX đánh giá và chuẩn kiến thức và ghi bảng  HS: Lắng nghe, ghi bài  GV yêu cầu HS thực hiện ở nhà BT vận dụng: Sưu tầm thông tin về 1 trong các dạng địa hình đã học và viết báo cáo ngắn về các dạng địa hình đó. | **BT 1:** (Bảng phụ)  **BT 2**: Khi xây dựng nhà chúng ta phải sử dụng cát, xi măng, đá, thép, gạch, kính, nhôm có nguồn gốc từ KS | |

**BT 1:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Núi** | **Đồi** | **Cao nguyên** | **Đồng bằng** |
| **Độ cao** | Trên 500m so với mực nước biển | Không quá 200m so với vùng đất xung quanh | Trên 500m so với mực nước biển | Dưới 200m so với mực nước biển |
| **Đặc điểm** | Đỉnh nhọn, sườn dốc | Đỉnh tròn, sườn thoải | Bề mặt khá bằng phẳng, có sườn dốc | Tương đối bằng phẳng, rộng |

**IV. Hướng dẫn học bài ở nhà**

- Về nhà: Học thuộc bài theo nội dung bài đã học.

Sưu tầm thông tin về 1 trong các dạng địa hình đã học và viết báo cáo ngắn về các dạng địa hình đó. Báo cáo kết quả vào giờ sau.

- Chuẩn bị trước bài 14: TH: Đọc lược đồ ĐH tỉ lệ lớn và lát cắt ĐH đơn giản.

**TỔ CM ĐÃ DUYỆT**

**Trần Thị Thanh Tân**